



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT

2017

## MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung</b> .....	4
1. Thông tin khái quát .....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
4.1. Mô hình quản trị .....	5
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	5
5. Định hướng phát triển .....	6
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018.....	6
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	7
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.....	7
Các rủi ro:.....	8
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b> .....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	9
2. Tổ chức và nhân sự .....	10
2.1. Thông tin về Ban điều hành .....	10
2.2. Về nhân sự.....	14
3. Tình hình tài chính.....	14
3.1. Tình hình tài chính .....	14
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	15
4.1. Cổ phần: .....	15
4.2. Cơ cấu cổ đông: .....	15
4.3. Vốn điều lệ.....	16
4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.....	16
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b> .....	16
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.....	16
2. Tình hình tài chính.....	18
2.1. Tình hình tài sản.....	18
2.2. Tình hình nợ phải trả .....	19
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	19
Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....	20
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	20
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	20
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	21

---

<b>V. Quản trị công ty</b> .....	<b>22</b>
<b>1. Hội đồng quản trị</b> .....	<b>22</b>
<b>Ban Kiểm soát</b> .....	<b>24</b>
<b>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</b> .....	<b>25</b>
<b>VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)</b> .....	<b>25</b>



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;
- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;
- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.
- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 39334666                      Số fax: (84.4) 39334668
- Website: apsc.vn

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 28/12/2006	Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
Ngày 11/01/2007	Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán
Ngày 23/01/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 12/03/2007	Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội



Ngày 15/03/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày 10/01/2008	Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
Ngày 04/01/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
Ngày 28/05/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Các nghiệp vụ kinh doanh của APSC:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

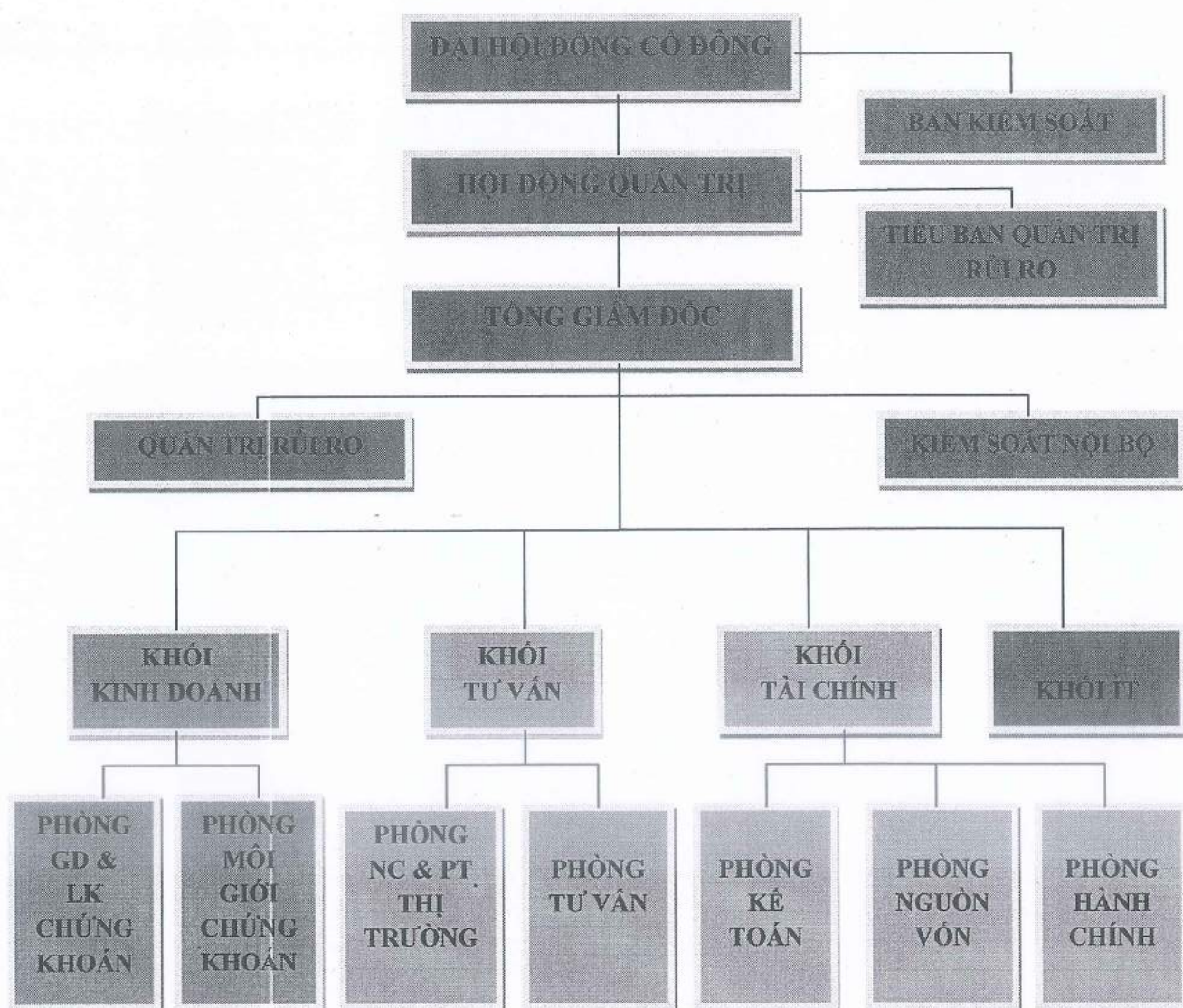
### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **4.1. Mô hình quản trị**

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

#### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Cơ cấu quản lý Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau



## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018

- Liên tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới. Cùng với đó là mang đến cho khách hàng cách thức giao dịch nhanh chóng và thuận tiện nhất;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng;
- Kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn;



- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

- Chiến lược phát triển khách hàng: APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với Công ty. Vì vậy, chữ “Tin” trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ: APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
- Chiến lược công nghệ thông tin: Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành Chứng khoán, APSC thấu hiểu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.
- Chiến lược nhân sự: APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy, APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

### **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.



- Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.
- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

#### *Các rủi ro:*

❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, chỉ số giá cổ phiếu, giá cả hàng hóa thế giới và trong nước. Rủi ro thị trường gây tác động làm giảm mức độ lợi nhuận đầu tư của Công ty thông qua ảnh hưởng trực tiếp tới khoản đầu tư tiền gửi, đầu tư cổ phiếu của Công ty. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, Công ty luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.

❖ **Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng từ những hợp đồng tư vấn và hỗ trợ giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Đối với giao dịch ký quỹ, APSC thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên yếu tố thanh khoản, biến động giá. Đối với các hợp đồng tư vấn, Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2017, Công ty không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.

❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ ngắn hạn. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

❖ **Rủi ro pháp luật** là rủi ro liên quan đến các quy định của pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá



trình hoàn thiện, các văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác, tiến hành đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về pháp luật cho nhân viên. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

❖ **Rủi ro về thương hiệu** nảy sinh do các yếu tố làm ảnh hưởng đến Công ty và thương hiệu, hình ảnh của Công ty đối với đối tác, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh Công ty, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Tình hình thế giới:

Nền kinh tế thế giới năm 2017 hồi phục mạnh mẽ. Với điều kiện tài chính thuận lợi và một số hỗ trợ từ chính sách tài khóa, triển vọng kinh tế toàn cầu tương đối tươi sáng và đồng đều giữa các nền kinh tế phát triển và mới nổi.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng vững mạnh: Các chỉ số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, tỷ lệ thất nghiệp đều cho thấy năm 2017 là năm tăng trưởng tốt đối với nền kinh tế Mỹ. Nhờ số liệu tích cực của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Mỹ đã có 1 năm khởi sắc

Kinh tế EU đang dần phục hồi: Trong năm 2017, mặc dù kinh tế EU đối mặt với những bất ổn chính trị tại khu vực, nhưng kinh tế EU phục hồi rất mạnh. Sự phục hồi này đã lan ra khắp thế giới. Tỷ lệ thất nghiệp giảm đi, cầu của nền kinh tế tăng lên.

Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương phát triển năng động: Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực năng động nhất về kinh tế và là động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu. Theo báo cáo của Ủy ban Kinh tế và Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP), GDP trung bình của các nền kinh tế đang phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương tăng 5,4% trong năm 2017, chủ yếu là do tiêu dùng trong nước. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thống kê mức tăng trưởng kinh tế của châu Á 6% trong năm 2017, nhờ tăng trưởng xuất khẩu và tiêu thụ nhiên liệu nội địa cao hơn so với dự kiến.

#### 1.2. Tình hình trong nước

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%. Sau những khó khăn chạm đáy vào năm 2012, nền kinh tế quốc gia đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao

hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 – 2017. Tăng trưởng kinh tế tăng cao trong bối cảnh các biến số phản ánh ổn định kinh tế được cải thiện.

Thứ nhất, về tỉ lệ lạm phát. Trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, năm 2017 là dưới 5% (thấp hơn tỉ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011-2017 là 6,5%).

Thứ hai, về tỉ lệ nợ công/GDP. Từ 63,6% năm 2016, tỉ lệ nợ công/GDP năm nay đã giảm xuống còn 62%. Tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần; giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng nợ công trung bình đạt 18,4%, năm 2016 tăng 15% và năm 2017 là 9%. Cùng với đó, bội chi ngân sách đang giảm, tỉ lệ chi thường xuyên trong chi ngân sách đã giảm xuống còn 64,9% năm nay và dự kiến là 64% vào năm 2018.

Thứ ba, cán cân thương mại cải thiện từ nhập siêu năm 2015 (3,2 tỷ USD), năm 2016 xuất siêu 2,68 tỷ USD và năm 2017 đạt thặng dư cán cân thương mại khoảng 2,67 tỷ USD.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 được cho là một điểm sáng của nền kinh tế. Đây là năm mà các con số kỷ lục được xác lập trên thị trường chứng khoán.

### 1.3. *Tình hình công ty*

Trong năm 2017, thị trường đã có những diễn biến tích cực tác động đến thị trường chứng khoán nói chung và doanh thu của Công ty nói riêng. Doanh thu của Công ty tăng mạnh, đặc biệt ở doanh thu hoạt động môi giới. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 7.328.331.181 đồng tăng 48,6% so với năm 2016.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 9.713.775.776 đồng tăng 28,45% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế lỗ 520 triệu đồng, giảm so với mức lỗ 4,6 tỷ năm 2016.

## 2. **Tổ chức và nhân sự**

### 2.1. *Thông tin về Ban điều hành*

#### ❖ Ông Nguyễn Quốc Hùng – Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC HÙNG
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam



Ngày tháng năm sinh:	20-08-1965
CMND:	011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 186)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở
Quá trình công tác:	1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực 1 2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 13
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	1.636.400
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	27,92%

❖ Ông Lê Văn Cường – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	LÊ VĂN CƯỜNG
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-02-1973
CMND:	011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 308)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank - Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước - Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	41.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,70%

❖ **Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán**

Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ MINH THỌ
Chức vụ:	Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14-12-1976
CMND:	011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội





	phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	13.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,22%

## 2.2. Về nhân sự

Cơ cấu tổ chức và phát triển nhân sự: Trong năm 2017, Công ty tiến hành tuyển dụng thêm nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Bộ máy tổ chức – nhân sự của Công ty từ cấp cao đến nhân viên đều được duy trì ổn định.

Việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Các nhân viên mới đều tham gia các khóa học về chứng chỉ chuyên môn do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức.

## 3. Tình hình tài chính

### 3.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm		% tăng/ giảm
	2017	2016	
Tổng giá trị tài sản	44.092.361.427	44.092.361.427	-
Doanh thu thuần	9.713.775.776	7.562.226.750	28,45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	705.489.019	(2.832.806.813)	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(520.374.274)	(4.666.782.165)	-
Lợi nhuận sau thuế	(520.374.274)	(4.666.781.715)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-



**3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm	
	2017	2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	9,45	13,52
Hệ số thanh toán nhanh	9,45	13,52
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,10	0,068
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,073
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	21,55%	16,48%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(5,36%)	(64,24%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(1,28%)	(11,36%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(1,15%)	(10,58%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(7,26%)	(38,99%)

**4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****4.1. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.861.940 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

**4.2. Cơ cấu cổ đông:**

Tổng số cổ đông: 65 cổ đông, được phân bổ theo cơ cấu sau:

Phân loại	Cổ đông lớn	Cổ đông nhỏ	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông nhà nước	Cổ đông khác
Tỷ lệ	76,33%	23,67%	1,96%	98,04%	100%	0%	0%	100%
<b>Tổng</b>	<b>100 %</b>		<b>100 %</b>		<b>100 %</b>		<b>100 %</b>	

Nguồn: Danh sách cổ đông APSC ngày 31/12/2017

#### 4.3. Vốn điều lệ

Năm 2017, Công ty cổ phần chứng khoán Alpha không thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại: 58.619.400.000 đồng

#### 4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

*Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017*

**Bảng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	Tỷ lệ %
<b>Doanh thu</b>	<b>15.000.000</b>	<b>9.137.775</b>	<b>60,92</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.000.000	7.328.331	61,07
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.000.000	967.272	48,36
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	-	-
Doanh thu khác	1.000.000	406.721	40,67
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.000.000</b>	<b>3.933.705</b>	<b>56,20</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.000.000</b>	<b>4.892.061</b>	<b>97,84</b>



<b>Thu nhập khác</b>	-	-	-
<b>Chi phí khác</b>	-	-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	-	<b>(520.374)</b>	-

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của APSC cụ thể như sau:

#### ❖ Hoạt động môi giới – giao dịch chứng khoán

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh môi giới - giao dịch chứng khoán của Công ty có những thuận lợi nhất định. Thị trường chứng khoán có khởi sắc do những tín hiệu tích cực từ các chỉ số vĩ mô. APSC đã cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ môi giới bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty, tiếp tục đảm bảo cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp. Do nỗ lực của Công ty và những dấu hiệu tích cực từ thị trường Chứng khoán, doanh thu hoạt động môi giới của APSC đạt 7,3 tỷ đồng, tăng 48,98% so với năm 2016.

Hoạt động kinh doanh của bộ phận môi giới đều được thực hiện đúng quy định, không xảy ra bất kỳ sự cố cũng như khiếu kiện nào từ phía nhà đầu tư. Công ty luôn kịp thời cập nhật những quy định mới của UBCKNN và Bộ Tài Chính đến nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ gắn bó với các khách hàng.

#### ❖ Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp và phân tích đầu tư

Trong năm 2017, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 967 triệu đồng, giảm 16,42% so với năm 2016.

#### ❖ Hoạt động lưu ký

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhật các

thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

#### **Những tiên bộ đã đạt được:**

- Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

#### **Các hạn chế còn tồn tại:**

Bên cạnh những tác động nặng nề từ tình hình kinh tế vĩ mô cũng như sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã nói ở trên, chúng ta cũng còn nhiều mặt chưa làm được do những hạn chế trong nội tại Công ty, cụ thể là:

- Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kết quả kinh doanh cho thấy các bộ phận trong Công ty chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay.
- Công nghệ thông tin: phần mềm giao dịch trong quá trình sử dụng tiếp tục cần chỉnh sửa, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu mới của cơ quan quản lý nhà nước và các yêu cầu mới của khách hàng trong khi chi phí nâng cấp cho hệ thống này còn hạn chế nên mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản.
- Thị phần, chất lượng dịch vụ: thị phần của Công ty có dấu hiệu giảm, chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với mức phí của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường, cũng có những nguyên nhân từ bên trong như: đội ngũ chuyên viên có trình độ cao còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, v.v...

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Tình hình tài sản**

Năm 2017 tổng tài sản cuối kỳ của Công ty đạt 45,078 tỷ đồng, tăng so với cuối kỳ năm 2016 là 2,24%.



## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty là 4,5 tỷ đồng, trong đó các khoản phải trả chủ yếu là khoản vay ngắn hạn.

### *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

**Cơ cấu tổ chức:** Năm 2017, các bộ phận trong Công ty có thay đổi về nhân sự, chuyển chuyên, cắt giảm, tuyển dụng thêm nhân sự và tận dụng tốt hơn năng lực làm việc của nhân sự trong từng bộ phận.

**Về chính sách, quản lý:** Công ty tiếp tục ban hành các chính sách nhằm cải thiện và kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty.

### *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Sang năm 2018, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, GDP toàn cầu dự kiến tăng khi các nền kinh tế lớn đang dần lấy lại đà tăng trưởng trong giai đoạn gần đây.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2018 được đánh giá có triển vọng tăng trưởng tốt và được dự đoán sẽ đạt mức 7,1%.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam hứa hẹn sẽ có một năm tăng trưởng mạnh mẽ do lượng hàng trên thị trường được dự báo sẽ cải thiện về cả số lượng và chất lượng khi Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước, ngoài ra lộ trình triển khai thị trường chứng khoán phái sinh hứa hẹn sẽ đem lại nhiều sản phẩm mới cho thị trường. Đây là cơ hội cũng là thách thức đối với Công ty, Công ty sẽ phát huy tối đa mọi nguồn nhân lực để có thể phát triển một cách bền vững, tiếp tục đầu tư, đào tạo để nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như chuyên môn cho đội ngũ nhân viên trong toàn Công ty. Từ đó phát triển nhiều sản phẩm mới phục vụ thị trường tốt hơn.

Kế hoạch kinh doanh APSC năm 2018 như sau:

*Đơn vị: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2018	Năm 2017	Tăng Giảm%
<b>Doanh thu</b>	<b>11.000.000</b>	<b>9.713.775</b>	<b>13,24</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.000.000	7.328.331	9,17

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.000.000	967.272	106,77
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	229.543	-
Doanh thu khác	1.000.000	406.721	145,87
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-	-
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>11.000.000</b>	<b>9.713.775</b>	<b>13,24</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.500.000</b>	<b>3.933.705</b>	<b>39,82</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		-	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.892.061</b>	<b>(18,23)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.500.000</b>	<b>705.489</b>	<b>112,62</b>
<b>Thu nhập khác</b>	-	-	-
<b>Chi phí khác</b>	-	-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	-	<b>(520.374)</b>	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	-	<b>(520.374)</b>	-

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trong bối cảnh của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017, Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ Công ty. Doanh thu năm 2017 tăng so với năm 2016, mặc dù Công ty vẫn lỗ nhưng mức lỗ nhỏ hơn nhiều so với năm 2016.

##### *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Năm 2017, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý



- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp giao ban công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những cố gắng rất lớn trong việc điều hành Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng của nền kinh tế, giữ được sự ổn định về vốn và các nguồn tài chính; Tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cấp website Công ty; Thay đổi, tuyên mới, thuyên chuyên nhân sự hợp lý tận dụng tốt nguồn lực cũng như giúp nhân viên phát huy tốt năng lực của mình; Có những chiến lược thu hút nhà đầu tư tương đối hiệu quả.

Tuy vậy, những cố gắng của Ban giám đốc chưa đạt được kết quả như kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận và chi phí kinh doanh trong năm đều không đạt kế hoạch đề ra.

#### ***Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, tận dụng các nguồn lực hiện có, đào tạo nhân sự hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ là những giải pháp căn bản để giảm bớt những khó khăn do hoàn cảnh thị trường chứng khoán suy giảm hiện nay gây ra.

Năm 2018, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện những công việc chính sau:

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn.

- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	1.636.400	0	Phổ thông	27,92%
2	Lê Như Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập không điều hành	0	115.000	Phổ thông	1,96%
3	Lê Văn Cường	Thành viên	Phó tổng giám đốc	41.000	0	Phổ thông	0,7%
4	Lê Đức Thắng	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0%
5	Trương Thị Minh Thọ	Thành viên	TV Ban giám đốc	190.000	0	Phổ thông	3,24%

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 02 thành viên không điều hành là ông Lê Như Hùng và Lê Đức Thắng, 03 thành viên còn lại kiêm nhiệm chức vụ quản lý và điều hành công ty, hưởng lương hàng tháng.



Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/12/2017) 05 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trực tiếp 1.867.400 cổ phiếu, chiếm 31,86% và đại diện sở hữu 115.000 cổ phần, tương đương 1,96%.

#### **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đến Ban điều hành và các bộ phận trong Công ty.
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán (Trong số các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để Tổng giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.
- HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng Quy định của Pháp luật.
- Giám sát những người quản lý Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung năm 2017 đa số những người quản lý điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- Trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Tổng giám đốc, cùng Tổng giám đốc đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh.
- Cùng với các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2017, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trước những biến động của thị trường chứng khoán, năm 2017, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời, hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với pháp luật và quy chế, quy định của công ty, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin linh hoạt thông qua văn bản, fax, email, v.v... Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị triệu tập 4 lần với các nội dung chính như sau:

– Thông qua kết quả kinh doanh năm 2016 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016; Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017.

– Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho các tháng tiếp theo.

– Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2017; Đánh giá kết quả kinh doanh quý III/2017 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho Quý IV/2017.

– Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và Thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

### **Ban Kiểm soát**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Lê Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	575.000	0	Phổ thông	9.81%
2	Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên	Độc lập không điều hành	30.000	0	Phổ thông	0.51%
3	Đỗ Bích Ngọc	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0

#### **b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**



Trong năm 2017, Ban kiểm soát công ty nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết hoạt động và xây dựng kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty, bàn bạc thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty đã công bố.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác); Trong năm 2017 tất cả các vấn đề này được Công ty chấp hành tốt.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

*Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 gặp nhiều khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tình nguyện không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

**VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**



**NGUYỄN QUỐC HÙNG**

**CPA HANOI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Thành viên hãng *AicA*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

**MỤC LỤC**

*Trang*

<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017</i>	09 - 10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017</i>	11 - 12
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2017</i>	13
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017</i>	14 - 42

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	58.619.400.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính.
Trụ sở chính:	Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

##### *Hội đồng Quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

##### *Ban Tổng Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hùng.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018





CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM  
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM  
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935  
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 18-2-0004/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha ("Công ty"), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 21 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 (vốn chủ sở hữu thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 40.574.097.184 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6c, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải thu bán các tài sản tài chính. Đây là các khoản đầu tư theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

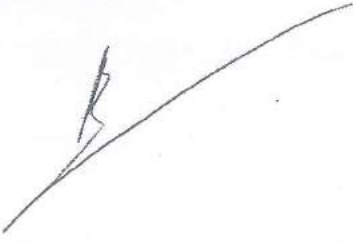
Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 11 (mười một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 10 (mười) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Nguyễn Minh Tuệ – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN: 2726-2018-016-1

  
Lê Văn Tuấn – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN: 1695-2018-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.572.537.586</b>	<b>40.534.647.867</b>
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>42.349.450.018</i>	<i>40.224.486.495</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	12.439.533.499	18.782.537.377
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>439.533.499</i>	<i>12.932.537.377</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>12.000.000.000</i>	<i>5.850.000.000</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	16.103.347.600	19.616.486.200
Các khoản cho vay	114	6b	13.664.875.596	4.923.715.945
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(701.664.763)	(4.061.804.163)
Các khoản phải thu	117		594.635.329	854.321.997
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>6c</i>	<i>546.968.663</i>	<i>546.968.663</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	<i>6d</i>	<i>47.666.666</i>	<i>307.353.334</i>
Trả trước cho người bán	118	9	138.100.000	36.790.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	115.082.818	49.197.760
Các khoản phải thu khác	122	11	126.976.415	174.677.855
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	12	(131.436.476)	(151.436.476)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>223.087.568</i>	<i>310.161.372</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	13	187.848.487	202.950.807
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	14	10.000.000	86.342.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	15	25.239.081	20.868.435
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.505.599.409</b>	<b>3.557.713.110</b>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>191.462.579</i>	<i>202.149.586</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	123.129.256	89.816.259
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.504.618.835</i>	<i>6.433.218.835</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.381.489.579)</i>	<i>(6.343.402.576)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	18	68.333.323	112.333.327
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.485.162.000</i>	<i>1.485.162.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.416.828.677)</i>	<i>(1.372.828.673)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>2.314.136.830</i>	<i>3.355.563.524</i>
Chi phí trả trước dài hạn	252	13	55.933.342	66.981.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	36d	-	1.225.863.293
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	2.258.203.488	2.062.718.943
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.078.136.995</b>	<b>44.092.360.977</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.504.039.811</b>	<b>2.997.889.519</b>
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>4.504.039.811</i>	<i>2.997.889.519</i>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		2.500.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>312</i>	<i>19</i>	<i>2.500.000.000</i>	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	140.576.472	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	367.227.620	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	22	569.750.000	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	379.903.122	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	292.607.426	473.889.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	25	228.983.047	351.055.894
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.574.097.184</b>	<b>41.094.471.458</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>40.574.097.184</i>	<i>41.094.471.458</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>26</i>	<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>1.779.850.000</i>	<i>1.779.850.000</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(20.634.046.003)	(20.113.671.729)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(20.634.046.003)</i>	<i>(20.113.671.729)</i>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>45.078.136.995</b>	<b>44.092.360.977</b>

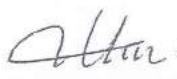


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	26b	5.861.940	5.861.940
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	27	200.120.000	758.460.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	28	5.950.000.000	5.950.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		730.090.930.000	725.764.440.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		688.704.270.000	496.127.650.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		36.656.780.000	36.656.780.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.003.380.000	190.391.510.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		3.726.500.000	2.588.500.000
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		80.777.734.763	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		80.777.734.763	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		80.713.804.214	8.559.698.008
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		63.930.549	55.905.332

  
Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

  
Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		145.515.382	536.726.078
<i>Lãi bán tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>32a</i>	-	<i>184.600</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>32b</i>	<i>145.515.382</i>	<i>536.541.478</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	636.391.872	506.925.378
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		7.328.331.181	4.931.479.015
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		229.543.174	137.703.787
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		967.272.727	1.157.272.727
Thu nhập hoạt động khác	11	33	406.721.440	292.119.765
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.713.775.776</b>	<b>7.562.226.750</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(979.043.300)	170.692.363
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>	<i>32a</i>	<i>2.381.096.100</i>	<i>539.717</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>8</i>	<i>(3.360.139.400)</i>	<i>170.152.646</i>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3.931.687.369	4.106.564.171
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		347.242.997	285.451.863
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		633.818.078	813.724.984
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	500.000
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt; 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.933.705.144</b>	<b>5.376.933.381</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	34	48.833.663	109.487.196
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>48.833.663</b>	<b>109.487.196</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Chi phí lãi vay	52		231.353.334	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -&gt; 55)</b>	<b>60</b>		<b>231.353.334</b>	<b>-</b>
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK</b>				
	62	35	4.892.061.942	5.127.587.828
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)</b>	<b>70</b>		<b>705.489.019</b>	<b>(2.832.807.263)</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)</b>	<b>90</b>		<b>705.489.019</b>	<b>(2.832.807.263)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		705.489.019	(2.832.807.263)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>1.225.863.293</b>	<b>1.833.974.902</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36a	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	36d	1.225.863.293	1.833.974.902
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)</b>	<b>200</b>		<b>(520.374.274)</b>	<b>(4.666.782.165)</b>
<b>THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>(520.374.274)</b>	<b>(4.666.782.165)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	37	(89)	(796)

Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		1.132.042.500	958.500
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(72.665.302)	(45.861.215)
Cổ tức đã nhận	04		297.500.000	-
Tiền lãi đã thu	05		53.088.895	300.632.265
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(212.660.668)	-
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.608.848.117)	(691.162.229)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.251.862.093)	(3.934.477.486)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.789.628.861)	(655.246.654)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		17.101.232.562	138.351.756.942
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(20.419.802.794)	(133.097.281.313)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(8.771.603.878)</i>	<i>229.318.810</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(71.400.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(71.400.000)</i>	<i>-</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay gốc	33		19.780.000.000	-
<i>Tiền vay khác</i>	<i>33.2</i>		<i>19.780.000.000</i>	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.280.000.000)	-
<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>	<i>34.3</i>		<i>(17.280.000.000)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.500.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(6.343.003.878)</b>	<b>229.318.810</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>				
Tiền	60	4	18.782.537.377	18.553.218.567
Tiền	61		12.932.537.377	1.453.218.567
Các khoản tương đương tiền	62		5.850.000.000	17.100.000.000





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4	12.439.533.499	18.782.537.377
Tiền	71		439.533.499	12.932.537.377
Các khoản tương đương tiền	72		12.000.000.000	5.850.000.000


**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho KH	01		2.032.533.045.528	1.350.250.300.620
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho KH	02		(1.960.215.091.889)	(1.349.662.751.979)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(155.822.216)	(121.623.531)
<i>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</i>	20		72.162.131.423	465.925.110
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	30		8.615.603.340	8.149.678.230
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		8.615.603.340	8.149.678.230
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		8.615.603.340	8.149.678.230
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)</b>	40		80.777.734.763	8.615.603.340
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		80.777.734.763	8.615.603.340
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		80.777.734.763	8.615.603.340

  
 Nguyễn Hoài Vân  
 Người lập biểu

  
 Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Quốc Hùng  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

***Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 07 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành lần đầu năm 2006, sửa đổi bổ sung ngày 11 tháng 09 năm 2010.

***Quy mô vốn***

Vốn cổ phần của Công ty là 58.619.400.000 đồng.

***Mục tiêu hoạt động:*** Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

***Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:*** Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính.

***Hạn chế đầu tư***

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 "Hạn chế đầu tư" Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

**Đầu tư bất động sản, tài sản cố định**

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

**Đầu tư trái phiếu**

Công ty hiện không được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Nếu Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán thì Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết nhưng tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

**Đầu tư tài chính**

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

***Nhân viên***

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 24 người, trong đó có 14 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26 người, trong đó có 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

*3.1 Thay đổi chế độ kế toán*

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

*3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

*3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính*

*Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS*

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

*Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)*

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chi định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chi định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chi định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chi định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)**

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

*Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) (tiếp theo)*

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tồn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

*Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

*Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính*

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			5	năm

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

***Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính***

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

***Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

**3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.11 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng**

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Quản trị về rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*i. Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

*ii. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

*iii. Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	101.376.238	415.652.829
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	338.157.261	12.516.884.548
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	5.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.439.533.499</b>	<b>18.782.537.377</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu, lãi suất 5,5%/năm.

**5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
<b>a) Của CTCK</b>		
- Cổ phiếu	124.090	1.132.042.500
<b>Cộng</b>	<b>124.090</b>	<b>1.132.042.500</b>
<b>b) Của Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	164.304.427	2.817.474.555.900
<b>Cộng</b>	<b>164.304.427</b>	<b>2.817.474.555.900</b>

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

<i>Tài sản FVTPL</i>	<i>Cuối năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>	<i>Giá ghi sổ</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chứng khoán thương mại	16.103.347.600	15.808.167.500	19.616.486.200	15.989.894.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000
Cổ phiếu niêm yết	534.577.600	239.397.500	4.047.716.200	421.124.700
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.103.347.600</b>	<b>15.808.167.500</b>	<b>19.616.486.200</b>	<b>15.989.894.700</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Các khoản cho vay**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
<b>Ứng trước tiền bán chứng khoán</b>				
Đình Hồng Long	6.155.809.000	6.155.809.000	1.694.130.517	1.694.130.517
Đoàn Việt Hà	4.278.586.565	4.278.586.565	1.772.102.249	1.772.102.249
Hoàng Minh Chiến	1.502.416.205	1.502.416.205	-	-
Trần Tuấn Anh	-	-	1.024.548.107	1.024.548.107
Khách hàng khác	1.728.063.826	1.728.063.826	432.935.072	432.935.072
<b>Cộng</b>	<b>13.664.875.596</b>	<b>13.664.875.596</b>	<b>4.923.715.945</b>	<b>4.923.715.945</b>

**c. Các khoản phải thu bán các TSTC**

Chỉ tiêu	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Hà Huy Hoàng	308.050.000	308.050.000
Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663
<b>Cộng</b>	<b>546.968.663</b>	<b>546.968.663</b>
<i>Trong đó: Đã lập dự phòng</i>	406.484.663	435.212.663

Các khoản phải thu bán các TSTC là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

**d. Các khoản phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận**

Chỉ tiêu	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.666.666	9.853.334
Phải thu cổ tức	-	297.500.000
<b>Cộng</b>	<b>47.666.666</b>	<b>307.353.334</b>







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Giải Pháp công nghệ Gosmac Việt Nam	98.500.000	-
Đối tượng khác	39.600.000	36.790.000
<b>Cộng</b>	<b>138.100.000</b>	<b>36.790.000</b>

**10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
<i>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	<i>102.700.000</i>	<i>35.500.000</i>
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á (*)	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước (*)	4.000.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và xây dựng Thăng Long	54.000.000	-
Công ty TNHH In Tài chính	13.200.000	-
<i>Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</i>	<i>12.382.818</i>	<i>13.697.760</i>
<b>Cộng</b>	<b>115.082.818</b>	<b>49.197.760</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 12.

**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam (*)	95.936.476	115.936.476
Phải thu khác	31.039.939	58.741.379
<b>Cộng</b>	<b>126.976.415</b>	<b>174.677.855</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 12.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>187.848.487</i>	<i>202.950.807</i>
Chi phí thường niên và quản lý thành viên	-	9.450.000
Chi phí đường truyền	30.600.000	30.600.000
Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán	153.400.000	153.400.000
Chi phí chờ phân bổ khác	3.848.487	9.500.807
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>55.933.342</i>	<i>66.981.288</i>
Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	55.933.342	66.981.288
<b>Cộng</b>	<b>243.781.829</b>	<b>269.932.095</b>

**14. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng Hồ Chí Minh	-	76.342.130
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>86.342.130</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân (từ tiền lương) nộp thừa	4.370.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.868.435	20.868.435
<b>Cộng</b>	<b>25.239.081</b>	<b>20.868.435</b>

**16. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.267.785.200	1.195.119.898
Tiền lãi phân bổ trong năm	870.418.288	747.599.045
<b>Cộng</b>	<b>2.258.203.488</b>	<b>2.062.718.943</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**17. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Mua mới	71.400.000	-	-	71.400.000
Số cuối năm	4.151.808.872	820.737.000	1.532.072.963	6.504.618.835
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	4.008.168.971	820.737.000	1.514.496.605	6.343.402.576
Khấu hao trong năm	30.804.696	-	7.282.307	38.087.003
Số cuối năm	4.038.973.667	820.737.000	1.521.778.912	6.381.489.579
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	72.239.901	-	17.576.358	89.816.259
Số cuối năm	112.835.205	-	10.294.051	123.129.256
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	3.841.269.760	820.737.000	1.473.941.963	6.135.948.723

**18. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm giao dịch</i>
	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.485.162.000
Số cuối năm	1.485.162.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	1.372.828.673
Khấu hao trong năm	44.000.004
Số cuối năm	1.416.828.677
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	112.333.327
Số cuối năm	68.333.323

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.265.162.000 đồng.

*(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**19. VAY NGẮN HẠN**

Khoản vay bà Trần Bích Lâm theo hợp đồng số 06/2017/HĐVT ngày 22 tháng 12 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 2,5 tỷ đồng, thời hạn vay 1 tháng, lãi suất 12% năm và không có tài sản đảm bảo.

**20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	106.000.000	86.241.695
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký	34.576.472	31.181.066
<b>Cộng</b>	<b>140.576.472</b>	<b>117.422.761</b>

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH hệ thống thông tin NH Tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
Viện Hóa học Công Nghiệp	343.227.620	677.221.774
<b>Cộng</b>	<b>367.227.620</b>	<b>701.221.774</b>

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
<i>Khách hàng trả tiền trước hoạt động tư vấn tài chính</i>		
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông – Công ty Cổ phần	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	66.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	65.000.000	65.000.000
Khách hàng khác	88.750.000	260.750.000
<b>Cộng</b>	<b>569.750.000</b>	<b>700.750.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	15.920.092	12.996.809
Thuế thu nhập cá nhân	363.983.030	615.560.340
<b>Cộng</b>	<b>379.903.122</b>	<b>628.557.149</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Hoa hồng môi giới	54.739.386	322.070.966
Lãi trả nhà đầu tư	15.188.513	4.664.480
Chi phí lãi vay	7.500.000	-
Chi phí đường truyền	28.591.545	42.489.330
Chi phí bảo trì cơ sở dữ liệu	72.000.000	6.000.000
Chi phí hoạt động khác	114.587.982	98.665.041
<b>Cộng</b>	<b>292.607.426</b>	<b>473.889.817</b>

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Cổ tức phải trả	90.975.647	90.975.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.007.400	260.080.247
<b>Cộng</b>	<b>228.983.047</b>	<b>351.055.894</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>58.619.400.000</b>	<b>58.619.400.000</b>

**b. Cổ phiếu đang lưu hành**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	200.120.000	758.460.000
<b>Cộng</b>	<b>200.120.000</b>	<b>758.460.000</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	5.950.000.000	5.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.950.000.000</b>	<b>5.950.000.000</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

**29. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHỖ CÔNG TY**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	12.382.818	13.697.760
<b>Cộng</b>	<b>12.382.818</b>	<b>13.697.760</b>

**30. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	13.664.875.596	4.923.715.945
<b>Cộng</b>	<b>13.664.875.596</b>	<b>4.923.715.945</b>

**31. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi cho vay hoạt động Margin	-	217.050.834
Lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	636.391.872	289.874.544
<b>Cộng</b>	<b>636.391.872</b>	<b>506.925.378</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**33. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý sổ cổ đông	24.000.000	56.727.272
Phí tất toán tài khoản	2.072.815	1.963.225
Phí chuyển nhượng cổ phần	128.140.160	16.296.225
Lãi được phân bổ Quỹ hỗ trợ thanh toán	252.508.465	217.133.043
<b>Cộng</b>	<b>406.721.440</b>	<b>292.119.765</b>

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	48.833.663	109.487.196
<b>Cộng</b>	<b>48.833.663</b>	<b>109.487.196</b>

**35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	2.575.762.506	2.696.520.942
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	457.515.305	507.543.263
Chi phí văn phòng phẩm	3.526.364	62.416.273
Chi phí công cụ, dụng cụ	29.043.225	35.969.330
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.443.728	29.851.836
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(20.000.000)	38.780.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.345.289.387	1.174.282.207
Chi phí khác	486.481.427	579.223.034
<b>Cộng</b>	<b>4.892.061.942</b>	<b>5.127.587.828</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	705.489.019	(2.832.807.263)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	245.025.168	56.569.371
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(68.260.800)	(307.353.334)
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	882.253.387	(3.083.591.226)
Chuyển lỗ năm trước (5)	(882.253.387)	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)</b>	-	-

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

**c. Chuyển lỗ**

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển VND</i>	<i>Số lỗ đã hết hạn VND</i>	<i>Số lỗ còn được chuyển VND</i>
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-	-
2011 - 2016	10.072.196.986	902.322.477	9.169.874.509	-
2012 - 2017	6.129.316.466	882.253.387	5.247.063.079	-
2013 - 2018	3.825.114.243	-	-	3.825.114.243
2015 - 2020	2.617.558.759	-	-	2.617.558.759
2016 - 2021	3.083.591.226	-	-	3.083.591.226
<b>Cộng</b>	<b>26.539.615.473</b>	<b>2.596.413.657</b>	<b>14.416.937.588</b>	<b>9.526.264.228</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ còn được chuyển nói trên do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để cân trừ các khoản lỗ tính thuế đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ("tài sản thuế TNHL")**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Số dư đầu năm (1)	1.225.863.293	3.059.838.195
Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ (2) = (3)+(4)	(1.225.863.293)	(1.833.974.902)
<i>Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (3)</i>	-	-
<i>Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước (4)</i>	(1.225.863.293)	(1.833.974.902)
Số dư cuối năm (5) = (1) + (2)	-	1.225.863.293

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(520.374.274)	(4.666.780.416)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	(520.374.274)	(4.666.780.416)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(89)	(796)





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**38. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

**39. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**b. Rủi ro tín dụng**

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	
<b>Đầu năm</b>				
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	117.422.761	-	-	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	701.221.774	-	-	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	700.750.000	-	-	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	628.557.149	-	-	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	473.889.817	-	-	473.889.817
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	351.055.894	-	-	351.055.894
<b>Cuối năm</b>				
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	140.576.472	-	-	140.576.472
Phải trả người bán ngắn hạn	367.227.620	-	-	367.227.620
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	569.750.000	-	-	569.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	379.903.122	-	-	379.903.122
Chi phí phải trả ngắn hạn	292.607.426	-	-	292.607.426
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	228.983.047	-	-	228.983.047

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ VND	Trong đó	
		Quá hạn VND	Giảm giá VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.103.347.600	-	295.180.100
Các khoản phải thu ngắn hạn	594.635.329	406.484.663	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	115.082.818	35.500.000	-
Phải thu khác	126.976.415	95.936.476	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**40. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

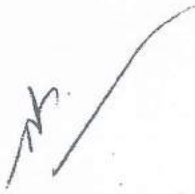
Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.235.988.875	1.231.982.590

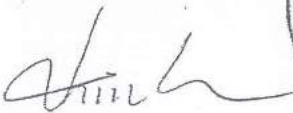
**41. THÔNG TIN SO SÁNH**


Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

**42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

  
Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

  
Vũ Thủy Anh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018